

ĐỜI SỐNG ĐẠO CỦA GIÁO DÂN THUỘC DÒNG ĐA MINH

(từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX)

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

I

Việc thực hành nghi lễ Rôma được thống nhất trong toàn thể Giáo hội Công giáo dù là Công giáo ở nước Pháp hay Công giáo ở Việt Nam. Song, đời sống đạo thì mỗi nước có những biểu hiện đặc thù. Ngay trong một nước như Việt Nam, đời sống đạo của giáo dân mỗi thời kì lịch sử có những biểu hiện khác nhau ở một số khía cạnh. Đời sống đạo của giáo dân cũng phần nào phụ thuộc vào các dòng hay hội truyền giáo được Giáo hội La Mã giao cho cai quản các địa phận. Vì vậy nghiên cứu về đời sống đạo của giáo dân thuộc các dòng hay hội truyền giáo quản lí là cần thiết vì nó chỉ ra những nét đặc thù trong cái nhìn tổng thể về đời sống đạo của giáo dân Việt Nam nói chung.

Bắt đầu từ năm 1933 với việc phong vị giám mục người Việt Nam đầu tiên (Giám mục Nguyễn Bá Tòng), và sau đó được giao cai quản địa phận Phát Diệm, các địa phận Công giáo Việt Nam dần dần do các giám mục người Việt Nam cai quản nhưng dấu ấn của các dòng, hội truyền giáo trong đời sống đạo của giáo dân thì đến nay vẫn còn.

Việt Nam là một nước truyền giáo. Công cuộc truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam thuộc về các dòng hay hội truyền giáo, trong đó có dòng Đa Minh.

Cuốn *Từ điển Công giáo* viết: "Đa Minh là dòng thuyết giáo, do thánh Đa Minh (1170 - 1221) thành lập. Hình thức của dòng được ổn định nhờ hai tổng đại hội tổ chức ở Bolonge năm 1220 và 1221; còn gọi là dòng Tu sĩ thuyết giáo và ở nước Anh gọi là dòng Tu sĩ áo đen. Tập trung lo rao giảng và dạy dỗ, đây là dòng khẩn trọng đầu tiên lấy lao động trí óc thay lao động chân tay. Theo yêu cầu của thánh Đa Minh, nhà dòng phải sống đức khó nghèo không những với tư cách cá nhân mà còn với tư cách tập thể. Năm 1475, đức Giáo hoàng Xitô IV rút lại luật khó nghèo tập thể và cho phép nhà dòng giữ tài sản và có nguồn lợi tức thường xuyên.

Việc tông đồ chính của dòng là giáo dục. Nhà dòng đã tổ chức được một hệ thống giáo dục rất hoàn bị mà trên hết là các "học viện" (Studia Generalla) thường liên kết với một phân khoa hay một đại học. Chính các tu sĩ Đa Minh đã có công lấy triết học Aristote (384 - 322 Tr CN) để phục vụ Kitô giáo, mà đứng đầu là Thánh Albertô Cả (1200 - 1280) và Thánh Tôma Aquinô (1225 - 1274).

Dòng Đa Minh đã được các đức Giáo hoàng sử dụng vào nhiều việc, kể cả việc rao giảng cho các đạo binh thánh giá và làm

*. TS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

công tác ngoại giao. Toà Điều tra tôn giáo cũng thường giao cho các tu sĩ Đa Minh; Vì thế họ được gọi là "Người bảo vệ sự chính thống". Trong thời gian khám phá Tân thế giới, họ đã thiết lập nhiều xứ truyền giáo tiên phong ở Đông và Tây bán cầu⁽¹⁾.

Về hoạt động truyền giáo của dòng Đa Minh ở Việt Nam, tác giả Đào Trung Hiệu cho biết: "Thời điểm chắc chắn khởi sự việc loan báo Tin Mừng tại Việt Nam là năm 1550. Năm này giáo sĩ Gaspar de Santa (op, Bô) từ Malaca đã đến Cần Giờ, Hà Tiên giảng đạo, 5 năm trước khi đến Quảng Đông. Giáo sĩ Gaspar là người sáng lập tỉnh dòng Đa Minh Santa Cruz Malaca để truyền giáo cho vùng Đông Á"⁽²⁾. Dòng Đa Minh là dòng tham gia truyền giáo đầu tiên ở Đàng Trong và Chân Lạp (Nam Bộ) trong khoảng thời gian từ năm 1550 đến năm 1631. Tuy nhiên công cuộc truyền giáo trong khoảng thời gian này đạt không mấy hiệu quả.

Ở Đàng Ngoài, giáo sĩ dòng Đa Minh có mặt muộn hơn so với dòng Tên.

Ngày 9 tháng 9 năm 1659, Toà thánh La Mã ban hành sắc chỉ thành lập hai địa phận đầu tiên ở Việt Nam: Địa phận Đàng Trong và địa phận Đàng Ngoài dựa theo ranh giới Đàng Trong và Đàng Ngoài do Trịnh Nguyễn phân tranh. Giám mục địa phận Đàng Ngoài, Francisco Pallu, đã mời giáo sĩ dòng Đa Minh ở Manila (Philippin) đến Đàng Ngoài truyền giáo. Bề trên cả địa phận Manila cử giáo sĩ Juan de Santa Cruz và giáo sĩ Juan Arjona rời Manila cuối năm 1675 để đến ngày 7 tháng Năm 1676 đến Phố Hiến (Hung Yên) đánh dấu sự có mặt của giáo sĩ dòng Đa Minh ở Đàng Ngoài.

Năm 1679, Toà thánh chia địa phận Đàng Ngoài thành hai: Tây Đàng Ngoài và Đông Đàng Ngoài theo địa giới sông Hồng và sông Lô. Địa phận Đông Đàng Ngoài được giao cho dòng Đa Minh quản lí. Giáo

hoàng Innocentiô XI cử giáo sĩ Deydier làm Đại diện Tông toà (Vicariô Apôstôlicô).

Địa phận Đông Đàng Ngoài là một vùng rộng lớn, bao gồm các địa phận được tách ra sau này như: Bùi Chu (1848), Bắc Ninh (1885), Hải Phòng (1924), Thái Bình (1936), Lạng Sơn (1915, 1939). Cho đến đầu thế kỉ XX những tỉnh thuộc địa phận Đông Đàng Ngoài có đông giáo dân là: Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Ninh. Tuy nhiên địa phận Bùi Chu (bao gồm hầu hết tỉnh Nam Định, tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên) là địa phận mà đời sống đạo của giáo dân có những nét nổi bật, có thể lấy đó làm đại diện cho các địa phận thuộc dòng Đa Minh quản lí.

II

Khi dòng Đa Minh có mặt ở Đàng Ngoài thì công cuộc truyền giáo do các giáo sĩ dòng Tên tiến hành đã thu được những kết quả bước đầu.

Hoạt động truyền giáo phát triển đạo của giáo sĩ dòng Đa Minh không có những giáo sĩ có tên tuổi như Alexandre de Rhodes. Song không phải vì thế mà đời sống đạo của giáo dân không có những biểu hiện đặc thù. Đồng thời trên thực tế cho thấy đời sống đạo của giáo dân thuộc địa phận dòng Đa Minh và địa phận thuộc Hội Truyền giáo Paris (MEP) cũng có những ảnh hưởng qua lại, trộn vào nhau tạo thành những nét chung được quy định bởi lịch sử và bởi những giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Đời sống đạo của giáo dân Việt Nam thuộc dòng Đa Minh quản lí thời kì từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX được chúng tôi đề cập đến với một số nội dung dưới đây:

1. *Từ điển Công giáo*. Rôma 1986, tr. 205.

2. Đào Trung Hiệu. *Cuộc lễ hành đức tin*. Tập 2, UBĐKCG Tp. Hồ Chí Minh, 1993, in rônêo, tr. 197.

- * Thực hiện các phép bí tích;
- * Việc phụng tự;
- * Những hình thức tổ chức thánh lễ trọng thể.

*

* *

Thực hiện các phép bí tích

Với tín đồ Công giáo, việc chịu các phép bí tích là bắt buộc. Có những phép bí tích họ chỉ nhận một lần như Rửa tội, Thêm sức. Về cơ bản bí tích Hôn phối hầu hết tín đồ cũng chỉ nhận một lần.

Trong hoạt động truyền giáo, điều các giáo sĩ quan tâm trước hết là thực hiện bí tích Rửa tội để đưa "dân ngoại" gia nhập Công giáo. Thời kì đầu các giáo sĩ dòng Đa Minh phải thực hiện bí tích này dưới thuyền và thường phải làm vào ban đêm. Giáo sĩ Juan de Sancta Cruz trình bệ trên ở Manila trong thư đề ngày 9 - 12 - 1706 viết: "Chúng tôi phải ở dưới thuyền đêm ngày, dù khi làm các phép Sacramentô⁽³⁾, như giải tội, rửa tội, làm lễ misa, v.v... thì chúng tôi cũng phải làm dưới thuyền nữa". Ở một đoạn khác, thư viết: "Vả lại do chính quyền cấm cách đạo mãi, hoá ra chúng tôi chỉ làm được các phép Sacramentô ban đêm"⁽⁴⁾.

Bí tích Hôn phối được các giáo sĩ quan tâm cách riêng nhằm củng cố gia đình giáo dân vì giáo hội luôn quan niệm gia đình là cái nôi để duy trì, phát triển đạo. Công giáo đề cao hôn nhân một vợ một chồng quen gọi là phép *nhất phu nhất phụ*. Ngày 23 tháng 6 năm 1858, giám mục Liêm (Hermosilla) gửi Thư chung cho giáo dân nói rõ về phép Hôn phối: "Trong bảy phép cực trọng ấy có một bốn đạo ta lấy làm thị thường quá, cho nên sinh ra thiệt hại cả thể mà sự thiệt hại làm cho tháo thứ, hư hại việc chung thánh Yghêrixa⁽⁵⁾; phép ấy là phép Matrimoniô⁽⁶⁾... Các quân tử cứ mẽ tự nhiên đã suy đến sự ấy đã kể phép nhất phu, nhất

phụ trong ba giềng mối can hệ nhất trong thiên hạ quen gọi là Tam cương là vua vuối kẻ bầy tôi, chồng vuối kẻ làm vợ, cha vuối kẻ làm con: Hệ ba giềng mối ấy thuận hoà, thì thiên hạ được bằng an, bằng khi ba giềng mối tháo thứ, thì thiên hạ loạn lạc, khổ sở cùng các giống tội lỗi chẳng tệt hại nào bằng; Nhưng mà Thầy đoán hẳn rằng: ví bằng người ta cẩn thận giữ cho phải mẽ trong việc nhất phu, nhất phụ, thì các việc khác liền được an, ví bằng khi trong cửa nhà vợ chồng hoà hợp, yêu kính nhau, liệu hết sức sửa sang bậc mình cho nên, trông sau này cho hai người ấy nên cha mẹ tốt lành, xứng đáng sửa trị con cái"⁽⁷⁾.

Với tín đồ Công giáo, hôn nhân chỉ thành sự khi cả hai cùng là tín đồ, không lỗi đạo. Cha mẹ không được ép buộc con cái kết hôn với người không yêu. Những người cùng họ máu (họ tộc trực hệ) là 5 đời, họ thiêng liêng là kẻ rửa tội, cầm đầu cho ai thì chẳng được lấy kẻ ấy cùng cha mẹ nó, họ kết bạn, thì hai vợ chồng một bên chết thì bên kia chẳng được lấy người họ nội, ngoại máu. Giáo hội nghiêm cấm trước khi kết hôn con trai đến ở rể nhà gái vì dễ sinh ra hai điều xấu: "gần nhau, hay trông thấy nhau, dễ động lòng mà không giữ được, hai là dễ bị gièm pha mà dẫn đến tan nát"⁽⁸⁾.

Thư chung của giám mục Liêm cho biết thánh lễ cưới được tổ chức như sau: "Chẳng phải mặc sự gì ngăn trở nào dất về phép Matrimoniô vuối nhau, cùng xong mọi đàng

3. Sacramentô: Dịch ra tiếng Việt là Bí tích.

4. *Sử kí địa phận Trung*, Phú Nhai đường 1916, tr. 17, 20.

5. Yghêrixa: Tức Giáo hội Công giáo hoặc Hội Thánh Công giáo.

6. Matrimoniô: Phép Hôn phối.

7. *Những thư chọn trong các thư chung các đấng Vicariô Apostolicô và Vicariô Provinciale về dòng Ông thánh Domingô đã làm từ năm 1849* (từ đây xin gọi là Thư chung dòng Đa Minh), quyển thứ II, tr. 63. In tại Kẻ Sặt, 1903.

8. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II. Sđd, tr. 78.

khác nữa thì sẽ lấy nhau thể này: trước hết cha mẹ sẽ chọn lấy hai người có đạo, khôn ngoan, chắc chắn làm chứng, mà hai người toan lấy nhau với cha mẹ họ hàng hai bên cùng hai người ấy phải làm chứng, sẽ đến nhà thờ, treo ảnh quỳ gối thượng lên, làm dấu câu rút, đọc kinh Đức chúa Phiritô Santô⁽⁹⁾, kinh Thiên Chúa, kinh Ave, kinh Tin, Cây, Mến, kinh Ba ngôi, kinh Contisong thật trong lòng cho được sạch tội trong linh hồn, chỉ dọn mình mà chịu phép Sacramentô Matrimonitô cho nên; đoạn hai kẻ toan lấy nhau và hai người làm chứng, cũng đứng gần đây nữa, bấy giờ hai kẻ lấy nhau phải phó mình là nói tỏ ý mình ra muốn lấy nhau cho hai người làm chứng được hiểu, rồi thì quỳ gối xuống, đọc kinh "Tôi cảm ơn Đức Chúa Trời"⁽¹⁰⁾.

Trong trường hợp không có nhà thờ để đến, hoặc không đến được nhà thờ mà tổ chức lễ cưới ở nhà riêng thì sau đó hai người lấy nhau, hai người làm chứng phải đến trình linh mục trong thời gian sớm nhất.

Từ năm 1794, giám mục Phê (Alonso) qua Thư chung cho biết: cấm ăn cưới, làm lễ cưới, đưa dâu trọng thể từ lễ nhất mùa Adventô⁽¹¹⁾ cho đến lễ Ba Vua⁽¹²⁾, tự ngày lễ Gio⁽¹³⁾ cho đến lễ cả sau lễ Phục Sinh⁽¹⁴⁾ về Đấng Vít vô, hay là đấng Pharôcô có truyền khoan việc xét ngăn trở thì cũng phải cứ⁽¹⁵⁾.

Những nghi lễ, kiêng kị liên quan đến ma chay được quy định từ rất sớm và nhiều nội dung. Thư chung sớm nhất nói về vấn đề này đề năm 1759, quy định: Bỏ đạo cắt xác không được để kẻ vô đạo đến một; Cấm các đồ lễ kẻ vô đạo lấy ra mà thờ kẻ chết, như áo trăm thoi, mũ, gậy, dây thắt lưng cái mao, hương án, ván thất tình, giường, bình phong, nhà táng, minh tinh dùng để đốt cũng bị cấm. Tín đồ Công giáo qua đời không được đọc văn tế, gia quyến không được cắt tóc tang. Giáo hội cấm xông hương, đốt nén cho kẻ chết. Người qua đời

không cần đại liệm, tiểu liệm, không lấy áo mặc vào xác chết 7 lần với đàn ông, 9 lần với đàn bà. Người đến viếng không lạy xác kẻ chết. Đưa người qua đời ra nghĩa địa (giáo dân gọi là đất thánh hay vườn thánh) không được kiệu ảnh tượng các thánh, kiệu thập giá hay tượng Chúa chịu nạn, chỉ cần cầm thập giá trong tay đi trước. Việc đánh trống, thổi kèn khi đưa xác đều bị xem là sự rỗi. Với người qua đời, giáo dân không có tục cải táng, hoặc giã y mả tháng Chạp. Người qua đời ít để lâu, thường được chôn cất sớm⁽¹⁶⁾.

Do điều kiện thiếu linh mục, những xứ đạo không có linh mục trị sở, mỗi năm các linh mục thường xếp lịch về các xứ đạo hai lần, để giáo dân xưng tội, chịu lễ, quen gọi là *kì làm phúc*. *Sử kí địa phận Trung* viết: "Trong địa phận vốn quen làm phúc cả bản xứ mỗi năm hai lần; Lần thứ nhất là làm phúc về Mùa Chay, thường bắt đầu làm phúc từ tháng hai tây, song có nhiều xứ không kịp làm phúc cả trong Mùa Chay, một phải làm phúc mãi cho đến tháng hoa Đức Bà mới xong; Lần thứ hai là làm phúc tự tháng Tám thì quen bắt đầu lễ Đức Bà lên giời hay là tự cuối tháng Augusto⁽¹⁷⁾ cho đến lễ các Thánh⁽¹⁸⁾. Các bản đạo quen xưng tội ít là một năm hai lần, song le cũng có nhiều kẻ xưng tội chịu lễ nhiều lần, hay là xưng tội chịu lễ thường thường, và cũng có kẻ

9. Chúa Phiritô Santô: Chúa Thánh Thần.

10. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II. Sđd, tr. 42.

11. Mùa Adventô: mùa Vọng. Theo quan niệm Công giáo là mùa chuẩn bị mừng lễ trọng Giáng sinh.

12. Lễ Ba Vua: ngày 6 - 1.

13. Lễ Gio (Tro): Mở đầu Mùa Chay. Lễ cử hành vào thứ Tư nào là tùy thuộc lễ Phục sinh được mừng vào ngày nào.

14. Lễ Phục sinh: Mừng Chúa Giêsu sống lại.

15. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. I. Sđd, tr. 42.

16. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. I. Sđd, các trang từ 11 - 18.

17. Augusto: Tháng Tám.

18. Lễ các Thánh: Đầu tháng Mười một.

chịu lễ hàng ngày nữa. Những kẻ bỏ xưng tội chịu lễ một năm một lần, thì cũng có ít nhiều mà cũng có kẻ bỏ xưng tội lâu năm nữa, nhưng mà chẳng có bao nhiêu"⁽¹⁹⁾.

Việc phụng tự

Từ rất sớm giáo dân có thói quen đọc kinh chung trong nhà thờ vào buổi chiều và buổi sáng. Những kinh đọc chung là kinh Tin, kinh Cậy, kinh Mến, kinh Ăn năn tội, kinh Cám ơn, kinh Dâng việc mình. Buổi sáng đọc năm chục kinh mùa Vui, buổi tối đọc năm chục kinh mùa Thương và năm chục kinh mùa Mừng. Ở nhiều xứ đạo, trong các họ đầu xứ nơi có nhà thầy, nhà xứ thì quen đọc năm chục kinh mùa Thương vào ban trưa, còn chiều tối thích đọc năm chục kinh mùa Mừng.

Sử kí địa phận Trung viết: "Về ban sáng khi đọc năm chục mùa Vui đoạn, thì bắt đầu làm lễ trong các nơi có thầy cả, mà đang khi thầy cả làm lễ thì đồng nhi nữ đọc kinh ngắm lễ cách khoan thai, dịu dàng, là những kinh hợp ý nghĩa vuốt những việc thầy cả làm trên bàn thờ"⁽²⁰⁾.

Khi có sự khốn khó (giặc giã, dịch bệnh), giám mục thường truyền đọc kinh chung cầu nguyện như kinh Mẫu phúc, kinh Cầu các thánh là các kinh mà giáo dân nào cũng học thuộc lòng. Các ngày thứ tư quanh năm giáo dân quen đọc kinh cầu ông Thánh Giuse, các ngày thứ sáu đọc kinh cầu Láit tim; Còn kinh cầu Đức Bà giáo dân đọc hàng ngày vào ban tối sau khi đã lần hạt và đọc kinh Thân mẫu phúc xong.

Việc phụng tự ngày nhất lễ được diễn ra như sau: "Khi đã đọc kinh chung như mọi khi, thì quen đọc kinh Bản hỏi rồi đọc bài cắt nghĩa Evan⁽²¹⁾ về ngày lễ ấy mà nơi nào có đấng thầy cả thì người giảng giải, đoạn mới làm lễ; các ngày lễ cả và các ngày lễ trọng thì cứ như vậy. Còn về tối các lễ cả thì vẫn đọc giót tràng hạt như đã nói trước: mà

khi trong nhà thờ có để Minh Thánh, thì cũng có châu Minh Thánh cách trọng thể, ít là các ngày lễ cả đầu tháng, và các ngày lễ trọng, nhưng mà cũng có nơi quen châu Minh Thánh trong mọi tối các ngày lễ cả".

Các nhà thờ xứ đạo (một số nhà thờ họ đạo) có ảnh hoặc phù điêu 14 đàng Thánh giá. Ngày thứ sáu Mùa Chay xứ đạo tổ chức viếng 14 đàng Thánh giá. Một số xứ, họ đạo quen ngắm 15 sự Thương khó vào thứ sáu quanh năm.

Đọc kinh, lần hạt Rôsa là một trong những việc làm được giáo dân thuộc sự quản lí của dòng Đa Minh thực hiện rất sớm. Thư của giáo sĩ Juan de Sancta Cruz (9 - 12 - 1706) viết: "Chúng tôi đã lo liệu cho bốn đạo kính chuộng kinh lần hạt Rôsa cách sốt sắng dường ấy, cho nên ngày nào anh em nhà bốn đạo cũng hội nhau ở nhà thờ mà đọc kinh chung đủ một tràng trăm rưỡi, cùng nguyện ngắm đủ nửa giờ"⁽²²⁾.

Giáo sĩ Juan de Sancta Cruz (quen gọi là Cha Chính Thập) lập họ (hội) Rôsa trong các họ lớn, hướng dẫn cho giáo dân lần hạt chung. Khi đọc kinh chia làm hai bè, hết một chục kinh thì đọc kinh cloria. Cha Chính Thập là người dịch kinh cloria ra tiếng Việt⁽²³⁾. Vào đầu thế kỉ XVIII ở địa phận do dòng Đa Minh quản lí, có lẽ cha Chính Thập là người thực hiện việc dịch kinh bốn ra tiếng Việt nhiều nhất. Trong lá thư đề ngày 5 - 12 - 1706, ông viết: "Vả lại để giúp con chiên được nhiều ích, thì tôi đã dịch ra tiếng An Nam một kinh Ông Thánh Augustinh đã dọn, và thầy Venerabilic Granada đã dịch ra tiếng Ta; kinh này các trẻ nữ quen đọc to tiếng ở nhà thờ đang khi làm lễ, để giúp bốn đạo dễ cầm trí, khi không có trẻ nữ đọc thì các thầy đọc sau khi

19. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 225.

20. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 218.

21. Evan: Kinh Phúc Âm.

22. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 19 - 20.

23. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 225.

truyền phép Minh Thánh (quen gọi là kinh Châu hay là Kinh Tôi lạy Minh Thánh Đức Chúa Giêsu). Tôi lại dọn một kinh Tạ ơn, ngợi khen Minh Thánh, bốn đạo quen đọc trước khi chịu lễ và khi đã chịu lễ đoạn. Sau nữa tôi cũng đã dịch ra 15 ngắm Rôsarîô và các kinh về Đức Chúa Giêsu, cùng Đức Bà, thày Venerabilis Granada đã dọn xưa. Sau hết tôi đã chép bằng tiếng bản cước những sách sau này: 1. Sách dạy cách tập xưng tội cùng cắt nghĩa Mười điều răn đạo thánh Đức Chúa Lời; 2. Sách truyện Bà Thánh Rôsadelima về dòng ta; 3. Sách dạy kính thờ những mẫu ảnh thánh; Trong sách ấy tôi cũng nói về mẫu ảnh Ông Thánh Duminhgo cha cả ta hay làm phép lạ; 4. Ba quyển sách về phép lần hạt Rôsarîô đặt tên là sách Vườn hoa; 5. Một sách dạy về Cội rễ, giới đất, nhân vật cùng chê bác các đạo Bụt; 6. Một sách kính các thày dòng Tên đã dọn bằng chữ Nho thì tôi dịch ra tiếng An Nam; 7. Hai bản tập học chữ Nho, mỗi bản có 1.800 chữ, mất ba năm mới dọn xong; 8. Bây giờ tôi đang dọn một sách dạy những sự quý trọng và những ơn ích bởi đạo thánh Đức Chúa Lời mà ra, và một sách về phép Minh Thánh có 15 bài giảng về phép mẫu nhiệm ấy (các sách ấy, trừ sách Vườn Hoa, còn thì mất hết)⁽²⁴⁾.

Học kinh bốn, đọc kinh là công việc suốt đời của giáo dân. Ở các xứ, họ đạo có người chuyên dạy kinh bốn đó là ông Trương, bà Trương. Việc học và dạy kinh bốn được tổ chức vào Mùa Chay. Nơi học có thể ở nhà xứ, cũng có thể ở nhà ông Trương, bà Trương hay ở nhà một giáo dân rộng rãi... Hằng năm, xứ, họ đạo tổ chức thi kinh bốn. Phần thưởng vật chất nhỏ bé nhưng giá trị tinh thần rất lớn. Ngày 1 - 6 - 1900, giám mục Hiến (Terrés) ra Thư chung nói về vai trò của kinh bốn đối với giáo dân, nhắc nhở các ông Trương, bà Trương chuyên tâm dạy kinh bốn và năng thi kinh bốn vì đó là "điều cần lắm"⁽²⁵⁾.

Ngoài việc tham dự thánh lễ, chịu các phép bí tích, học, đọc kinh bốn... giáo dân còn phải thực hiện sống đạo hàng ngày. Trong một Thư chung gửi bốn đạo thuộc dòng quản lý, đề ngày 16 tháng 6 năm 1798, Giám mục Phê (Alonso) quy định *Những việc bốn đạo phải làm hàng ngày* dưới dạng hỏi và đáp.

Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi không thể dẫn toàn bộ 22 câu hỏi và câu trả lời. Để bạn đọc hình dung được phần nào xin dẫn hai câu hỏi và trả lời đầu tiên.

Hỏi: Khi chẳng đến nhà thờ mà đọc kinh chung được, thì phải làm thế nào?

Thưa: Phải gọi nhau trong cả và bao nhiêu người, thì phải họp làm một mà đọc kinh chung vuốt nhau.

Hỏi: Có khi nào nên bỏ đọc kinh vì vội vàng đi làm việc nọ việc kia chăng?

Thưa: Chẳng nên, vì ở cách ấy, thì ra cậy sức mình hơn cậy Đức Chúa Blời, có một khi phải việc rất cần, mới nên giãn sự đọc kinh; song le còn phải thăm thĩ than thờ cùng Đức Chúa Blời một hai mlời, chẳng nên bỏ không bao giờ sót⁽²⁶⁾.

Ăn chay, hãm mình giữ các ngày lễ buộc là một trong những nội dung quan trọng của đời sống đạo của giáo dân. Tại Nhà Chung Hải Phòng, ngày 3 tháng 6 năm 1899, Giám mục Hiến (Terrés) ra Thư chung nêu rất rõ vấn đề này:

"Gửi kính các ông được bằng an.

I. Vậ thánh Yghêrixa là mẹ rất nhân lành thấy bốn đạo bây giờ không có nhân đức mạnh mà hãm mình như bốn đạo đời xưa, mà về phân xác thì một ngày một vất vả làm ăn nuôi mình, vì thế thì địa phận này xin tha điều này, địa phận khác xin tha điều

24. *Sử kí địa phận Trung*, Sđd, tr. 25 - 26.

25. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. I, Sđd, tr. 259.

26. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. I, Sđd, tr. 34 - 40.

khác, cho nên Toà thánh muốn cho các bốn đạo các địa phận cứ một mực như nhau, thì truyền giữ các ngày lễ buộc, các ngày kiêng thịt, và các ngày ăn chay như sau này.

Những ngày lễ buộc là các ngày lễ cả quanh năm; Lại phải giữ sau này, là lễ sinh nhật Đức Chúa Giêsu⁽²⁷⁾, Lễ Đức Chúa Giêsu lên giới, lễ Đức Bà lên giới⁽²⁸⁾, lễ các Thánh. Những ngày phải ăn chay là những ngày thứ sáu trong Mùa Chay ngày trước lễ Sinh nhật Đức Chúa Giêsu, và ngày thứ tư trong Tuần thánh. Những ngày phải kiêng thịt là các ngày thứ sáu quanh năm, các ngày thứ tư, thứ sáu trong Mùa Chay, ngày thứ bảy trước lễ Hiện xuống, ngày trước lễ Đức Bà lên giới, và ngày trước lễ Sinh nhật Đức Chúa Giêsu; Trong ba ngày Tết có gặp phải ngày kiêng thịt hay là ăn chay, thì các Đức cha được đổi sang ngày khác. Năm nào gặp phải thế, thì sẽ bảo trong lịch phải bù ngày nào; ấy vậy mà các ông phải khuyên bảo bốn đạo vì Toà thánh đã rộng tha làm vậy, thì cũng phải giữ cho kĩ các ngày lễ buộc và các ngày ăn chay kiêng thịt cho lắm⁽²⁹⁾.

Tôn kính Thánh tử đạo được đông đảo tín đồ thực hiện sốt sắng. Năm 1900, nhân dịp Giáo hoàng La Mã phong chức thánh cho các đấng tử đạo, Giám mục Hiến (Terrés) ra Thư chung quy định việc vẽ ảnh hay làm tượng thánh tử đạo: Nếu là giám mục phải theo hình ảnh giám mục: mặc áo chức, áo các phép, dây stola, áo pha pha cùng mũ, gậy. Nếu là giáo sĩ dòng Đa Minh thì phải mặc áo dòng. Linh mục triều mặc áo chức và áo các phép rộng tay phồng bảy tấc, cách bàn tay khoảng ba tấc, đội mũ vuông ba núi, đeo dây stola. Tượng về các thầy, các cậu phải mặc áo trùng cho đến chân, đội khăn và đi giầy. Tượng giáo dân mặc áo tấc thụng tay trọng thể, nghiêm trang, đi giầy cùng đội khăn. Nếu thuộc về dòng ba Đa Minh, nên cho mặc áo dòng ba ngoài các áo. Tượng các đấng tử đạo tay

cầm lá dứa. Trên đầu nên làm ánh sáng nhưng không nên làm vòng tròn⁽³⁰⁾. Từ đây các xứ đạo dần dần vẽ hay nặn tượng thánh tử đạo để tôn kính trong nhà thờ. Giáo dân đến nhà thờ đọc kinh các đấng tử đạo, cũng có thể đọc riêng ở nhà⁽³¹⁾.

Đầu thế kỉ XX, đạo Tin Lành phát triển ra miền Bắc trong đó có vùng thuộc sự quản lí của dòng Đa Minh. Đề phòng giáo dân có sự nhầm lẫn đạo Tin Lành với Công giáo, ngày 1 - 7 - 1900 Giám mục Hiến (Terrés) ra Thư chung về việc này. Thư chung có đoạn: "Ấy vậy phò con phải có ý tứ, đừng nghe chúng nó mà đừng bao giờ dám vào nhà chúng nó hội nhau; Xưa nay vốn cấm bốn đạo vào chùa miếu khi kẻ ngoại đạo làm sự rối, thì cũng cấm vào nhà ấy như vậy hoặc có ai cho sách gì, đừng xem... Con phải nhớ Đạo Đức Chúa Trời chỉ có một mà thôi"⁽³²⁾.

Là tôn giáo độc thân, Công giáo trước Công đồng Vatican II (1962 - 1965) nghiêm cấm giáo dân tham dự bất kì các nghi lễ phụng tự nào của tất cả các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Giáo dân thuộc quyền quản lí của dòng Đa Minh cũng không nằm ngoài nguyên tắc bất di, bất dịch đó.

Vào thời kì nhà Nguyễn cấm đạo, ở nhiều xứ họ đạo, làng Công giáo thuộc sự quản lí của dòng Đa Minh, quan lại địa phương bắt giáo dân xây dựng chùa miếu. Khi nhà Nguyễn bỏ lệnh cấm đạo, giám mục Khang (Bamabar Cezon), nhận chức ngày 16 tháng 4 năm 1865, "đi kinh lược các xứ trong địa phận lần thứ nhất, mà lo liệu phá các chùa miếu quan đã ép bốn đạo

27. Nguyên văn viết tắt: Đ. C. J.

28. Nguyên văn viết tắt: Đ. B.

29. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II, Sđd, tr. 249.

30. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II, Sđd, tr. 257.

31. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II, Sđd, tr. 266.

32. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II, Sđd, tr. 263.

xây ở họ mình trong kì cấm đạo, cho nên năm 1868 khi người đi kinh hội lần thứ hai, thì không còn chùa miếu nào sót⁽³³⁾.

Trước đó Giám mục Liêm (Hermosilla) trong một Thư chung đề ngày 7 tháng 2 năm 1848, Điều X viết: "Thầy cấm chỉ các bốn đạo bên Đông này giữ Thập điều vua Minh Mạng, mà cũng dạy các ông phải thêm sức mà tra kẻ nào giữ, thì Người phải liệu mà thu lấy và đốt đi ngay"⁽³⁴⁾. Thập điều được vua Minh Mạng ban hành vào tháng Sáu, mùa Hè năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), trong đó điều 7 nói về tôn sùng đạo, học chân chính. Nhà vua yêu cầu thần dân học đạo Khổng Mạnh, lấy nhân nghĩa làm đầu, phê phán đạo Giatô làm hại phong hoá. Ai theo phải mau chóng bỏ đi. Phàm những tục quan, hôn, tang tế đều phải theo lễ tục nước nhà⁽³⁵⁾. Đó là nguyên nhân mà Giám mục Liêm ra lệnh cho bốn đạo thu hồi Thập điều.

Giáo dân thuộc dòng Đa Minh quản lí từ rất sớm tham gia các hội đoàn Công giáo do các giáo sĩ dòng lập. Hội đoàn sớm nhất là Hội đoàn Rôsarìo được thành lập từ thời Cha Chính Thập (cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII). Hội đoàn Rôsarìo có ở hầu hết các họ nhà xứ. Tín đồ của hội đoàn này quen đọc kinh mỗi ngày một tràng. Các ngày lễ đầu tháng quen đi kiệu ảnh tượng Đức Bà Rôsarìo⁽³⁶⁾ góp phần làm phong phú đời sống đạo của địa phận Đông.

Những hình thức tổ chức thánh lễ trọng thể

Cho đến đầu thế kỉ XX những địa phận do dòng Đa Minh quản lí một số lễ sau đây được tổ chức trọng thể: Lễ sinh nhật Đức Chúa Giêsu; Lễ Phục sinh; Lễ Đức Chúa Phiritô santô (Chúa Thánh thần) hiện xuống; Lễ Đức Bà lên trời. Đây là bốn ngày lễ trọng trong năm. Trong dân gian quen gọi là tứ quý. Cho đến đầu thế kỉ XX, bốn lễ

trọng này vẫn được duy trì. Ngoài ra còn có lễ thánh quan thầy đầu dòng, thánh quan thầy địa phận, thánh quan thầy xứ đạo. Tuần thánh từ lâu cũng được tổ chức tưởng niệm một cách trọng thể.

Lễ thánh quan thầy đầu dòng là lễ tưởng niệm Thánh Đa Minh. Ngày lễ, các linh mục dòng ngoại quốc và trong nước hiện diện ở Việt Nam hội nhau tại nơi cha chính trị sở và làm lễ cách trọng thể. Sau lễ tổ chức kiệu ảnh Thánh Đa Minh quanh nhà thờ. Tiếp theo các linh mục, các thầy, các chú hội nhau tại nhà nguyện Nhà chung. Tại đây giám mục ngồi giữa, cha chính, linh mục dòng người ngoại quốc ngồi hai bên. Linh mục người Việt, các thầy, các chú, các cậu thay phiên nhau lạy có ý tạ ơn Thiên Chúa và kính trọng thánh Đa Minh đã thương ban cho nước Nam vì công nghiệp các linh mục dòng.

Ngoài lễ thánh quan thầy đầu dòng, còn có hai lễ Đức Maria được tổ chức cách trọng thể. Thứ nhất là ngày lễ Đức Maria vô nhiễm nguyên tội (quen gọi là Đức Bà khỏi tội) được làm cách trọng thể như lễ Ông Thánh Đa Minh. Lễ xong đi kiệu tượng Đức Maria xung quanh nhà thờ nhưng không có hội nhau trong nhà nguyện như lễ Ông Thánh Đa Minh. Lễ này được xác lập thời Giám mục Hoà (1868 - 1884). Trong thời kì làm giám mục, Giám mục Hoà cho xây đền thánh Phú Nhai mang tên Kính Đức Bà khỏi tội, cùng đặt Đức Bà làm thánh quan thầy riêng địa phận. Thứ hai là lễ Đức Maria rất thánh Rôsarìo cũng quen làm trọng thể cách riêng. Các ngày lễ cả trong tháng Rôsa có kiệu ảnh tượng Đức Maria về ban sáng, chiều tối châu Minh Thánh trong các nhà

33. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 106.

34. *Thư chung dòng Đa Minh*, q. II, Sđd, tr. 222.

35. *Đại Nam thực lục chính biên*. Nxb Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 9.

36. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 214.

thờ có linh mục coi sóc. *Sử kí địa phận Trung viết*: "Thánh Rôsa vốn quen hát mười bài ngắm, lần hạt Đức Bà là cách khác thường, là những bài ca thơ một thầy già ngày xưa, tên là Địch, đã đặt ra cách sốt sáng khéo léo lắm"⁽³⁷⁾.

Tuần thánh, tuần kỉ niệm chúa Giêsu chịu nạn và sống lại được tổ chức trọng thể từ rất sớm. Thư của Cha Chính Thập đề ngày 9 - 12 - 1706 cho biết: "Tự khi mới nhận xứ này, thì tôi đã dạy dỗ bốn đạo kính các ngày Tuần lễ thánh cách trọng thể. Vậy ngày thứ năm truyền phép, tôi đặt Minh Thánh nơi kín như thói thánh Yghêrixa quen làm trong ngày ấy, rồi châu Minh Thánh đủ 24 giờ cách nghiêm trang, sốt sáng lắm; Bốn đạo đến châu đông dẫn lắm; Cho nên 24 giờ ấy hàng có người vừa dọn kính lần hạt vừa nguyện ngắm trong nhà thờ; Đến giờ thứ ba chiều hôm làm lễ rửa chân, rồi đến tối thì ngắm đứng đủ ba ngày. Đến trước khi đã đọc một tràng trăm rưỡi đoạn, thì cầm roi mà đánh phạt mình lâu bằng ba kinh Miserere, thấy thứ sáu chịu nạn hàng có người đến lạy cầu rút, rồi ban đêm lại đến táng xác Đức chúa Giêsu. Đến ngày lễ Phục sinh thì kiệu mẫu ảnh Đức Chúa Giêsu sống lại và Đức Mẹ đi đón con. Lễ này trọng thể sâu uất lắm, tự xưa đến rày chỉ có xứ này làm mà thôi"⁽³⁸⁾.

Đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, trong Tuần thánh quen làm một số lễ sau đây. Lễ lá: làm phép lá, rước linh mục đi kiệu. Thứ năm: để mình thánh trong nhà châu, trên toà cao, bốn đạo cắt phiến nhau đến châu đến 10 giờ đêm. Trước đó, buổi chiều, có lễ rửa chân cho 12 người làm tông

đồ, trong thánh lễ đọc Phúc âm Gioan trình thuật việc này. Thứ sáu: buổi sáng viếng Thập giá, hôn chân tượng chịu nạn, có màn giải, hoa thơm ướp tượng để ở giữa nhà thờ. Buổi chiều, kiệu tượng Vác, đóng danh tượng vào thập giá, dựng lên giữa nhà thờ, linh mục giảng giải về sự kiện này; Ngắm 15 sự Thương khó cách trọng thể, sau đó tháo đỉnh hạ tượng rồi đi kiệu táng xác. Thứ buổi sáng làm phép nến và giếng rửa tội.

Ở địa phận dòng cũng như ở các địa phận khác, Công giáo dành ra một số tháng với hình thức tổ chức trọng thể.

Tháng Ba: Kính Ông Thánh Giuse. Bốn đạo trong nhà thờ đọc kinh cầu Ông Thánh Giuse. Tháng Năm: Tháng Hoa Đức Mẹ. Bốn đạo buổi chiều đến nhà thờ xứ (và nhiều họ lẻ) múa hát dâng hoa kính Đức Maria. Các tối thứ bảy và hôm trước các ngày lễ trọng tháng ấy có rước hoa cùng kiệu tượng ảnh Đức Maria. Tháng Sáu: Tháng Lái Tim. Khi linh mục bắt đầu làm lễ, các bốn đạo cũng bắt đầu đọc kinh cầu Lái Tim cách dịu dàng êm ái. Nhà thờ nào có Minh Thánh và kiệu Minh Thánh thì để trên toà châu lúc bắt đầu làm lễ.

Hầu hết các hình thức tổ chức trọng thể trên đến nay vẫn được duy trì. Nhiều nghi thức như múa hát dâng hoa, múa trống, múa mõ, đi kéo, đánh trống... thể hiện sự hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa Việt Nam rất đáng trân trọng và cần được bảo lưu./

37. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 222 - 223.

38. *Sử kí địa phận Trung*. Sđd, tr. 25.